

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày: 17/5/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST-DS ngày 11/11/2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-DS ngày 05/5/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Duy Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 74/2, ấp AH B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo uỷ quyền của ông Q là bà: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995. Nơi cư trú: số 32, CTP phường T P, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1967. (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Lương Thị T, sinh năm 1973. (Có mặt)

Cùng cư trú: Số 84/5, ấp A HB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Duy Q là bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Ngày 26-03-2020, Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh Long cùng với ông Lê Văn X, bà Lương Thị T ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để ông X, bà T nuôi tôm. Khi này ông Huỳnh Tấn S đại diện hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh Long ký kết hợp đồng, sau này đổi sang ông Trần Duy Q dùng đại diện hộ kinh doanh. Theo hợp đồng thì hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh Long bán cho bên ông X, bà T các sản phẩm như: Thức

ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hoá thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Bên ông Qgiao hàng cho ông X, bà T tại kho hàng của hộ kinh doanh Minh Long theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hoá đến địa điểm của ông X, bà T nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông X, bà T phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên hộ kinh doanh Minh Long. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông X, bà T và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên ông Qkhông chịu trách nhiệm nữa. Thời hạn thanh toán là khi thu hoạch tôm của ao/vụ nuôi tôm nào thì bên ông X, bà T phải thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên ông Q.

Bên anh Q đã nhiều lần bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông X, bà Ttheo đúng đơn hàng của ông X, bà T yêu cầu. Sau khi nhận hàng thì ông X, bà T đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng chủng loại hàng hóa được nhận từ bên ông Q.

Tuy nhiên, ông X, bà T không thực hiện thanh toán đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán toàn bộ công nợ cho bên ông Qkhi thu hoạch tôm. Cụ thể: Tính đến ngày 30/04/2021, ông Lê Văn X, bà Lương Thị T vẫn còn nợ bên ông Qsố tiền là 106.350.000 (Một trăm linh sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng căn cứ theo bảng đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 30/04/2021 và hai bên đã ký xác nhận. Mặc dù bên ông Qđã nhiều lần gọi điện và xuống nhà trực tiếp làm việc yêu cầu thanh toán nhưng ông X, bà T không hợp tác thanh toán cho bên ông Q.

Tại phiên tòa ông Qyêu cầu Tòa án nhân dân huyện Pgiải quyết buộc ông Lê Văn X, bà Lương Thị Tcó nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc còn nợ là 106.350.000 đồng. Yêu cầu ông X, bà T trả tiền lãi chậm trả nợ gốc là 10%/năm, tính từ ngày 01/05/2021 đến ngày 01/09/2022 là 16 tháng với số tiền 14.123.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Qyêu cầu ông X, bà T trả là 120.473.000 đồng. Ông Qkhông yêu cầu tính lãi từ ngày 02/09/2022 cho đến nay, yêu cầu trả số tiền một lần.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2023, biên bản hoà giải ngày 11/4/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lương Thị Ttrình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Lê Văn X (chồng bà) còn nợ của ông Trần Duy Qsố tiền mua bán thức ăn nuôi tôm tổng cộng nợ gốc là 106.350.000 (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng và đến nay chưa trả cho ông Q. Bà và ông X đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Qsố tiền này nhưng khi nào bà, ông X nuôi tôm được mùa thì mới có tiền trả hết cho ông Q.

Còn về số tiền lãi mà ông Qyêu cầu tính 10%/năm, tính từ ngày 01/5/2021 đến 01/09/2022 là 16 tháng với số tiền 14.123.000 đồng, bà đồng ý ông Qtính mức lãi là hợp lý nhưng do hiện nay hoàn cảnh của bà và ông X đang gặp khó khăn nên xin Tòa xem xét cho bà và ông X không phải trả lãi.

Gia đình bà có cha ruột là ông Lương Văn Clà liệt sĩ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/5/2023 ông Lê Văn X trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà Lương Thị T còn nợ của ông Trần Duy Q số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm tổng cộng nợ gốc là 106.350.000 (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng và đến nay chưa trả cho ông Q. Ông và bà T đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền này nhưng khi nào bà, ông X nuôi tôm được mùa thì mới có tiền trả hết cho ông Q.

Còn về số tiền lãi mà ông Q yêu cầu tính 10%/năm, tính từ ngày 01/5/2021 đến khi trả hết nợ là ông và bà không đồng ý trả do hiện nay hoàn cảnh đang gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Duy Q tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lê Văn X, bà Lương Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Lê Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Duy Q với bị đơn ông Lê Văn X, bà Lương Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Văn X, bà Lương Thị T đã thừa nhận hiện nay bà Thanh và ông X còn nợ của ông Trần Duy Q tiền mua thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản với số tiền nợ vốn là 106.350.000 (Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn không phải chứng minh. Ông X và bà T đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền nợ vốn này nhưng bà T cho rằng khi nào bà, ông X nuôi tôm được mùa thì mới có tiền để trả cho ông Q. Còn về số tiền lãi mà ông Q yêu cầu tính 10%/năm, tính từ ngày 01/5/2021 đến 01/09/2022 là 16 tháng với số tiền 14.123.000 đồng, bà T đồng ý ông Q tính mức lãi là hợp lý nhưng bà T cho biết do hiện nay hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên xin Tòa xem xét cho bà và ông X không phải trả lãi.

Xét thấy do ông X, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc ông Q yêu cầu trả nợ vốn và lãi chậm trả là phù hợp nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Q buộc ông Lê Văn X, bà Lương Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho

ông Q tổng số tiền vốn và tiền lãi 120.473.000 (Một trăm hai chục triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của bà T không được ông Q đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà T tại phiên tòa.

[5] Đối với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/09/2022 đến nay thì tại phiên tòa ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông X, bà Thanh phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông X, bà T có nghĩa vụ liên đới nộp (120.473.000 đồng x 5%) là: 6.023.650 đồng. Do bà T là con của gia đình liệt sĩ nên được miễn nộp số tiền 3.011.825 đồng; còn ông X phải nộp là 3.011.825 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Q. Buộc ông Lê Văn X, bà Lương Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền 120.473.000 (Một trăm hai chục triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn X phải nộp: 3.011.825 (Ba triệu, không trăm mười một nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng; bà Lương Thị T được miễn nộp theo quy định.

Ông Trần Duy Q được Chi cục thi hành án dân sự huyện Phòan trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.012.000 đồng theo biên lai thu số 0000807, ngày 07 tháng 11 năm 2022.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Triết